

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

10
TR
19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Hùng
Ông Nguyễn Đức Tuyền
Ông Nguyễn Nam Thắng
Ông Nguyễn Quang Huy
Ông Nguyễn Thành Huân
Ông Đào Hiếu
Ông Phạm Văn Thành
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2011)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2011)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2011)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2011)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2011)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2011)
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Nam Thắng
Ông Nguyễn Đức Tuyền
Ông Trương Quang Minh
Ông Nguyễn Thành Huân

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2011)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2011)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2011)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2011)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Nam Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2012

Số: 997 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ khác biệt trong xử lý kế toán được nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Khác biệt trong xử lý kế toán

Công ty hiện đang hạch toán trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" một số khoản chi phí lương, chi phí thuê nhà, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí quản lý chung phát sinh trong năm 2011 với giá trị là 10.449 triệu đồng (lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 47.870 triệu đồng). Theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các khoản chi phí nêu trên cần được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tương ứng.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 01 tháng 03 năm 2012

Hà Nội, Việt Nam. Deloitte là một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên—mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1924/KTV

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+150)	100		130.978.738.629	106.008.899.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.136.328.849	39.329.585.632
1. Tiền	111		1.636.328.849	1.029.585.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.500.000.000	38.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	59.000.000.000	27.850.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		59.000.000.000	27.850.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.121.418.809	15.166.132.123
1. Trả trước cho người bán	132		15.595.306.809	14.481.938.123
2. Các khoản phải thu khác	135		2.526.112.000	684.194.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.720.990.971	23.663.181.340
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.661.439.423	4.424.077.485
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.786.579.174	15.576.240.234
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	3.272.972.374	3.662.863.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		273.678.168.215	275.284.980.848
I. Tài sản cố định	220		269.901.075.056	271.223.453.913
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.614.925.001	3.419.243.259
- Nguyên giá	222		5.393.242.129	5.350.813.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.778.317.128)	(1.931.570.298)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	38.139.053.329	77.070.960.577
- Nguyên giá	228		38.174.721.745	77.093.721.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.668.416)	(22.761.168)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	229.147.096.726	190.733.250.077
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.680.367.927	3.651.064.727
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	3.321.470.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	3.321.470.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		358.897.927	329.594.727
III. Tài sản dài hạn khác	260		96.725.232	410.462.208
1. Tài sản dài hạn khác	268		96.725.232	410.462.208
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		404.656.906.844	381.293.879.943

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		29.437.254.200	15.271.793.954
I. Nợ ngắn hạn	310		29.437.254.200	15.271.793.954
1. Phải trả người bán	312		24.219.788.806	14.274.172.764
2. Người mua trả tiền trước	313		4.411.995.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		80.338.364	22.833.000
4. Phải trả người lao động	315		692.432.030	818.038.190
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		32.700.000	156.750.000
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		375.219.652.644	366.022.085.989
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	375.219.652.644	366.022.085.989
1. Vốn điều lệ	411		366.771.459.148	365.721.459.148
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		862.294.476	357.091.986
3. Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế	420		7.585.899.020	(56.465.145)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		404.656.906.844	381.293.879.943



Nguyễn Nam Thắng
 Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2012

Hoàng Xuân Quý
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	534.550.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		534.550.000	-
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		253.418.900	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10-11)	20		281.131.100	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	10.635.928.520	5.373.263.645
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.273.037.776	5.372.718.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		644.021.844	545.558
11. Thu nhập khác	31		51.295.513.636	-
12. Chi phí khác	32		41.208.383.815	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	15	10.087.129.821	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		10.731.151.665	545.558
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	3.088.787.500	-
16. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50-51)	60		7.642.364.165	545.558



Nguyễn Nam Thăng
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2012

Hoàng Xuân Quý
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011		2010	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.731.151.665		545.558	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	904.825.507		900.695.915	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22.991.078.520)		(5.373.263.645)	
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.355.101.348)		(4.472.022.172)	
(Tăng) các khoản phải thu	09	(5.475.274.379)		(4.131.895.252)	
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.731.865.234		92.099.364	
Giảm chi phí trả trước	12	4.424.077.485		15.891.940	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.088.787.500)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.763.220.508)		(8.495.926.120)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(31.290.978.741)		(67.359.421.030)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	51.274.150.000		-	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(31.179.303.200)		(28.179.594.727)	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.658.010.520		5.221.670.645	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(538.121.421)		(90.317.345.112)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền nhận vốn góp của các cổ đông	31	150.000.000		99.990.020.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	150.000.000		99.990.020.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.151.341.929)		1.176.748.768	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.329.585.632		38.112.110.711	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(41.914.854)		40.726.153	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.136.328.849		39.329.585.632	

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 24.146.080.096 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và bao gồm số tiền 14.274.172.764 VND, là số tiền chi trả trong năm nay đối với chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm 2010. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền nhận vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm 900.000.000 VND, là số tiền Công ty nhận góp vốn bằng hình thức bù trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Nam Thắng
 Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2012


 Hoàng Xuân Quý
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2007. Công ty Cổ phần EVN Quốc tế được cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3203002232 ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (do di chuyển trụ sở từ Hà Nội vào Đà Nẵng) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 01 tháng 10 năm 2010. Vốn điều lệ của Công ty là 2.400 tỷ đồng, tổng số cổ phần là 240.000.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông của Công ty	Vốn góp (Triệu VND)	Tỷ lệ góp vốn (%)
I. Cổ đông sáng lập (do 18 pháp nhân góp vốn)	1.536.000	64%
II. Cổ đông thể nhân	864.000	36%
Cổ đông thể nhân trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam	720.000	30%
Cổ đông thể nhân ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam	144.000	6%
Tổng cộng (I+II)	2.400.000	100%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 48 người (31 tháng 12 năm 2010: 41 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép kinh doanh của Công ty là: Quản lý dự án; Xây dựng, vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia (theo quy định của pháp luật nước sở tại); Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia (theo quy định của pháp luật nước sở tại); Kinh doanh điện năng trong và ngoài nước; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Xây dựng, vận hành các công trình điện; Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy điện.

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế) tiếp tục thực hiện các công tác đầu tư xây dựng. Do đó, hoạt động chính của Công ty hiện nay là quản lý dự án và xây dựng, vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 17.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản	2011
	Số năm
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và quyền sử dụng website, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng đất không thời hạn tại thửa đất số 91 tờ bản đồ số 11 mặt tiền đường Xô Viết Nghệ Tĩnh thuộc khu dân cư Khuê Trung - Đò Xu - Hòa Cường, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4 m². Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE572292 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2011. Do đây là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn nên Công ty không trích khấu hao.

Quyền sử dụng website được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trong số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đang trình bày trên báo cáo tài chính có 47.870 triệu đồng là một số khoản chi phí lương, chi phí thuê nhà, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí quản lý chung phát sinh lũy kế từ năm 2007 đến năm 2011 được Công ty phân bổ theo tỷ lệ để chờ kết chuyển vào giá trị các công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các công trình thủy điện khác tại Lào. Mặc dù việc trình bày các chi phí này là chưa tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán hiện hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc trình bày này là phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

16/10/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	76.094.000	43.307.000
Tiền gửi ngân hàng	1.560.234.849	986.278.632
Các khoản tương đương tiền (*)	27.500.000.000	38.300.000.000
	<u>29.136.328.849</u>	<u>39.329.585.632</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng và các khoản ủy thác đầu tư tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, cụ thể như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	14.000.000.000	25.850.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	45.000.000.000	2.000.000.000
	<u>59.000.000.000</u>	<u>27.850.000.000</u>

7. TÀI SẢN NGẪN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	597.962.374	987.853.621
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.675.010.000	2.675.010.000
	3.272.972.374	3.662.863.621

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	4.018.999.927	1.331.813.630	5.350.813.557
Mua sắm trong năm	-	87.600.001	87.600.001
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.171.429)	(45.171.429)
Tại ngày 31/12/2011	<u>4.018.999.927</u>	<u>1.374.242.202</u>	<u>5.393.242.129</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	1.001.986.935	929.583.363	1.931.570.298
Khấu hao trong năm	683.257.800	208.660.459	891.918.259
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.171.429)	(45.171.429)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.685.244.735</u>	<u>1.093.072.393</u>	<u>2.778.317.128</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.333.755.192</u>	<u>281.169.809</u>	<u>2.614.925.001</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>3.017.012.992</u>	<u>402.230.267</u>	<u>3.419.243.259</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 951.966.600 VND (31 tháng 12 năm 2010: 72.379.215 VND).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền sử dụng website VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	77.055.000.000	38.721.745	77.093.721.745
Giảm trong năm	(38.919.000.000)	-	(38.919.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>38.136.000.000</u>	<u>38.721.745</u>	<u>38.174.721.745</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	-	22.761.168	22.761.168
Khấu hao trong năm	-	12.907.248	12.907.248
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>35.668.416</u>	<u>35.668.416</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>38.136.000.000</u>	<u>3.053.329</u>	<u>38.139.053.329</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>77.055.000.000</u>	<u>15.960.577</u>	<u>77.070.960.577</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công trình Hạ Sê San 2	183.025.416.437	158.047.891.559
Công trình Hạ Sê San 1/Sê San 5	21.686.080.400	16.026.560.910
Công trình lưới điện đồng bộ các dự án Sê San	14.971.026.727	12.551.557.688
Công trình Thủy điện SeKong	2.308.836.924	2.286.333.560
Công trình Thủy điện Nậm Mô 1	2.306.795.927	880.680.547
Công trình Lưới điện đồng bộ Việt Nam-Lào-Campuchia	713.181.818	713.181.818
Công trình Thủy điện Nậm Thơm 1	240.168.995	227.043.995
Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty tại Đà Nẵng	3.895.589.498	-
	<u>229.147.096.726</u>	<u>190.733.250.077</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1 (EVNI 1), giá trị cổ phần của Công ty trong EVNI 1 là 3.553.570.000 đồng (tương đương với 355.357 cổ phần) chiếm 35,54% trong tổng số vốn điều lệ của EVNI 1 là 10 tỷ đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty ngày 17 tháng 11 năm 2011, Công ty quyết định không góp thêm vốn điều lệ vào EVNI 1. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định theo dõi khoản đầu tư này là đầu tư vào Công ty liên kết và không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2011.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận/ (Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	265.731.439.148	32.897.381	(57.010.703)	265.707.325.826
Tăng vốn trong năm	99.990.020.000	-	-	99.990.020.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	545.558	545.558
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	324.194.605	-	324.194.605
Số dư tại ngày 01/01/2011	<u>365.721.459.148</u>	<u>357.091.986</u>	<u>(56.465.145)</u>	<u>366.022.085.989</u>
Tăng vốn trong năm	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	7.642.364.165	7.642.364.165
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	505.202.490	-	505.202.490
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>366.771.459.148</u>	<u>862.294.476</u>	<u>7.585.899.020</u>	<u>375.219.652.644</u>

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 01 tháng 10 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 2.400 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, một số cổ đông xin dừng góp vốn, vì vậy, số vốn cam kết tối đa của các cổ đông còn đang tham gia là 1.447.363.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo điều lệ Công ty, số vốn góp theo tiến độ đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 80% vốn điều lệ (trương đương 1.876.800.000.000 VND). Tuy nhiên, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 chỉ đạt 366.771.459.148 VND. Chi tiết như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	81.145.029.148	22,12%	81.145.029.148	22,19%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	70.800.000.000	19,30%	70.800.000.000	19,36%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	37.800.000.000	10,31%	37.800.000.000	10,34%
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	24.000.000.000	6,54%	24.000.000.000	6,56%
Tổng Công ty Nhà nước Một thành viên Điện lực Dầu khí Việt Nam	28.800.000.000	7,85%	28.800.000.000	7,87%
Tập đoàn Cao su Việt Nam	43.200.000.000	11,78%	43.200.000.000	11,81%
Tổng Công ty Viễn thông Quân đội	14.400.000.000	3,93%	14.400.000.000	3,94%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	6.000.000.000	1,64%	6.000.000.000	1,64%
Công ty Điện lực 1	4.800.000.000	1,31%	4.800.000.000	1,31%
Công ty Điện lực 2	4.800.000.000	1,31%	4.800.000.000	1,31%
Công ty Điện lực 3	4.800.000.000	1,31%	4.800.000.000	1,31%
Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh	7.200.000.000	1,96%	7.200.000.000	1,97%
Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	7.200.000.000	1,96%	7.200.000.000	1,97%
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	2.400.000.000	0,65%	2.400.000.000	0,66%
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	2.700.000.000	0,74%	2.700.000.000	0,74%
Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	2.700.000.000	0,74%	2.700.000.000	0,74%
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	2.700.000.000	0,74%	2.700.000.000	0,74%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	3.150.000.000	0,86%	2.700.000.000	0,74%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	3.150.000.000	0,86%	2.700.000.000	0,74%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	1.050.000.000	0,29%	900.000.000	0,25%
Các cổ đông thể nhân khác	13.976.430.000	3,81%	13.976.430.000	3,82%
	366.771.459.148	100%	365.721.459.148	100%

13. DOANH THU

Doanh thu với số tiền 534.550.000 VND thể hiện khoản doanh thu từ việc tư vấn quản lý dự án "Lập quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện tại Campuchia, Lào và quy hoạch đầu nối lưới điện ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia" cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.635.928.520	5.373.263.645
	10.635.928.520	5.373.263.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THU NHẬP KHÁC

	2011	2010
	VND	VND
Thu nhập khác	51.295.513.636	-
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	51.274.150.000	-
Bán hồ sơ thầu	21.363.636	-
Chi phí khác	41.208.383.815	-
Giá trị quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng	38.919.000.000	-
Chi phí dự án "Tổ hợp văn phòng kết hợp kinh doanh"	1.419.976.955	-
Chi phí các dự án thủy điện đã dừng	855.935.060	-
Chi phí mời thầu	13.471.800	-
Lợi nhuận khác	10.087.129.821	-

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	10.731.151.665	545.558
Trong đó:		
- (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.623.998.335)	545.558
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	12.355.150.000	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	204.766.515	(545.558)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	(545.558)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	204.766.515	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chịu thuế	(1.419.231.820)	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản chịu thuế	12.355.150.000	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế từ hoạt động kinh doanh	-	-
Thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	3.088.787.500	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.088.787.500	-

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

111
 ĐN
 NH
 LI
 ET
 ĐA

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.136.328.849	39.329.585.632
Phải thu khác	2.526.112.000	684.194.000
Đầu tư ngắn hạn	59.000.000.000	27.850.000.000
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	2.675.010.000	2.675.010.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	455.623.159	740.056.935
Tổng cộng	93.793.074.008	71.278.846.567
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	24.252.488.806	14.430.922.764
Tổng cộng	24.252.488.806	14.430.922.764

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<i>Đó La Mỹ (USD)</i>	-	-	96.725.232	87.920.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	24.252.488.806	-	24.252.488.806

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	14.430.922.764	-	14.430.922.764

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.136.328.849	-	29.136.328.849
Phải thu khác	2.526.112.000	-	2.526.112.000
Đầu tư ngắn hạn	59.000.000.000	-	59.000.000.000
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	2.675.010.000	-	2.675.010.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	455.623.159	455.623.159

31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.329.585.632	-	39.329.585.632
Phải thu khác	684.194.000	-	684.194.000
Đầu tư ngắn hạn	27.850.000.000	-	27.850.000.000
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	2.675.010.000	-	2.675.010.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	740.056.935	740.056.935

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	534.550.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	5.650.379.308	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	3.628.561.092	768.902.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	2.276.489.739
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1	730.020.640	8.563.595
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.260.793.000	1.171.334.000

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	5.218.275.000	718.275.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.467.028.810	1.548.553.544
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	4.860.981.139
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	501.518.581	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	-	13.400.331.832
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1	2.056.000.000	-
Tiền gửi và ký quỹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình		
- Tiền gửi	15.130.353.068	25.866.319.155
- Ký quỹ	2.675.010.000	2.675.010.000
Ủy thác đầu tư		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	45.000.000.000	2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Nguyễn Nam Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2012


Hoàng Xuân Quý
Kế toán trưởng

